

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV

Thực hiện Công văn số 2281/BKHCN-TCCB ngày 25/7/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND tỉnh và UBND huyện như sau:

1. Kết quả đạt được trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ

Theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV, trong thời gian qua ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện đạt một số kết quả nhất định, cụ thể là:

- Hội đồng KH&CN tỉnh được thành lập và kiện toàn hàng năm; Hội đồng đã hoạt động hiệu quả, phát huy được sức mạnh trí tuệ của các nhà quản lý, nhà khoa học trong triển khai các nhiệm vụ về KH&CN trên địa bàn tỉnh; đã giúp UBND tỉnh lựa chọn được những nội dung cấp thiết trong nghiên cứu, ứng dụng KH&CN để đưa vào danh mục các nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở triển khai hàng năm và đề xuất các nghiên cứu với Bộ Khoa học và Công nghệ. Các đề tài, dự án KH&CN được đặt hàng từ nhu cầu của cơ sở, có hiệu quả thiết thực, có khả năng ứng dụng vào thực tế cao.

- Các dự án phát triển tiềm lực KH&CN (dự án đầu tư Trại thực nghiệm KH&CN thành phố Buôn Ma Thuột và tại các huyện; đầu tư nâng cao tiềm lực Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; đầu tư mạng lưới điểm kết nối thông tin KH&CN đến cấp xã...) đã góp phần nâng cao tiềm lực hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, giúp các tổ chức, doanh nghiệp và người dân chủ động tiếp cận thông tin KH&CN để áp dụng vào sản xuất và đời sống.

- Chương trình Năng suất chất lượng; chương trình phát triển tài sản trí tuệ; chương trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã triển khai nhiều nội dung hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân trong khởi sự kinh doanh, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm; đồng thời giúp doanh nghiệp quản lý hiệu quả, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, nhất là các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh.

- Các hoạt động quản lý nhà nước về triển khai thực hiện các đề tài, dự án; sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý công nghệ và thị trường công nghệ; quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT); công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành về KH&CN được

triển khai đồng bộ, hiệu quả, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo kế hoạch đã đặt ra.

- Các đơn vị sự nghiệp đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, phục vụ tích cực cho công tác hỗ trợ quản lý nhà nước về KH&CN, kịp thời đưa các thông tin về KH&CN, đồng thời cung cấp các dịch vụ công về KH&CN, đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tại cấp huyện, 15/15 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đều thành lập Hội đồng KH&CN cấp huyện và thường xuyên hoạt động, tuy nhiên hiệu quả hoạt động chưa cao. Các hoạt động KH&CN cấp huyện chủ yếu chỉ dừng lại ở việc tuyên truyền phổ biến văn bản về KH&CN, kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hàng năm tham gia thực hiện một hoặc một vài đề tài cấp cơ sở do Sở KH&CN quản lý triển khai từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh. Hầu hết các huyện đều chưa bố trí đủ kinh phí cho các hoạt động KH&CN cấp huyện, kể cả quản lý nhà nước và sự nghiệp KH&CN.

2. Về cơ cấu tổ chức

2.1. Cấp tỉnh

- UBND tỉnh giao 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách chỉ đạo hoạt động KH&CN, làm Chủ tịch Hội đồng KH&CN tỉnh.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2076/QĐ-UBND, ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở KH&CN, theo đó, cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN gồm:

a) Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

b) Các phòng, đơn vị thuộc Sở gồm:

+ Văn phòng.

+ Thanh tra.

+ Phòng Kế hoạch Tài chính.

+ Phòng Quản lý Khoa học.

+ Phòng Quản lý KH&CN Cơ sở.

+ Phòng Quản lý Công nghệ và Thị trường Công nghệ.

+ Phòng Quản lý Chuyên ngành.

+ Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

+ Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN.

+ Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN.

+ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

(Chi tiết cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm).

- Thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định nhằm thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ

máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

+ Quyết định số 756/QĐ-UBND, ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP, ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình số 26-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW;

+ Quyết định số 1215/QĐ-UBND, ngày 31/5/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 03/02/2018 của Chính phủ; Kế hoạch số 07-KH/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 56/2017/QH14 và Chương trình số 27-CTr/TU, ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Sở KH&CN được giao là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện các Quyết định này, hiện đang xây dựng đề án thực hiện, sau khi sáp nhập, dự kiến cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN như sau:

a) *Lãnh đạo Sở gồm:* Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

b) *Các phòng, đơn vị thuộc Sở gồm:*

+ Văn phòng.

+ Thanh tra.

+ Phòng Quản lý Khoa học.

+ Phòng Quản lý Chuyên ngành.

+ Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

+ Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH&CN.

+ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Đơn vị tự chủ hoàn toàn kinh phí chi thường xuyên từ năm 2019).

2.2. Tại cấp huyện

- UBND cấp huyện phân công 01 đồng chí Lãnh đạo UBND huyện phụ trách chỉ đạo hoạt động KH&CN, làm Chủ tịch Hội đồng KH&CN huyện.

- Các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN được UBND huyện giao cho Phòng Kinh tế (Kinh tế Hạ tầng) tham mưu thực hiện, có 01 đồng chí Lãnh đạo Phòng chỉ đạo và 01 cán bộ kiêm nhiệm làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn huyện.

3. Tình hình nhân lực của Sở KH&CN

- Năm 2018, Sở KH&CN được UBND tỉnh giao tổng số 71 chỉ tiêu, trong đó 36 công chức, 24 viên chức và 11 hợp đồng lao động theo Nghị định 68.

- Để đáp ứng nhu cầu theo công việc, các đơn vị sự nghiệp của Sở đã chủ động hợp đồng thêm 23 hợp đồng lao động theo công việc và trả lương từ nguồn kinh phí thu sự nghiệp, không sử dụng ngân sách nhà nước.

(Chi tiết cụ thể tại Phụ lục 2 đính kèm).

4. Thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị

4.1. Thuận lợi

- Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV của Bộ KH&CN đã quy định chi tiết, cụ thể chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức thống nhất trong toàn quốc, đã giúp cho việc tổ chức bộ máy ngành KH&CN của tỉnh Đắk Lắk được thực hiện dễ dàng, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

- Các nhiệm vụ quy định tại Thông tư đã liệt kê đầy đủ, bao trùm toàn bộ các hoạt động về KH&CN tại địa phương, giúp cho địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ về KH&CN một cách hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

4.2. Khó khăn

- Tổng biên chế công chức, viên chức lao động được giao của tỉnh còn hạn chế nên việc bố trí số lượng chỉ tiêu công chức, viên chức, lao động cho ngành KH&CN của tỉnh còn rất hạn chế, nhất là tại cấp huyện, mặc dù đã bố trí công chức kiêm nhiệm nhưng không có nhiều thời gian dành cho công tác này do cùng lúc kiêm nhiệm thực hiện nhiều nhiệm vụ, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

- Tổ chức bộ máy của Sở KH&CN hiện tại cơ bản hợp lý với tình hình nhiệm vụ đặt ra, tuy nhiên, do biên chế ít nên số lượng cán bộ, công chức, viên chức, lao động trong một phòng, đơn vị thuộc Sở không đủ theo cơ cấu, có phòng chỉ có 02-03 người làm việc.

- Nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh còn thiếu và yếu, nhất là nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu và hợp tác quốc tế.

- Các đơn vị sự nghiệp thực hiện chuyển đổi hoạt động tự chủ theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP còn gặp nhiều khó khăn do tiềm lực còn yếu, thiếu cơ sở vật chất, nhân sự, vốn....

4.3. Kiến nghị, đề xuất

- Từ tình hình thực tế tại địa phương, với những khó khăn, thuận lợi như trên, UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị Bộ KH&CN xem xét, hướng dẫn các Sở KH&CN địa phương sắp xếp lại tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và số lượng người làm việc được giao theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Tiếp tục đầu tư các dự án tăng cường tiềm lực cho các đơn vị sự nghiệp, hỗ trợ các đơn vị nâng cao tiềm lực, cơ sở vật chất để thực hiện thành công chuyển đổi hoạt động theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định 54/2016/NĐ-CP.

- Thường xuyên hỗ trợ tinh tổ chức các khóa đào tạo, các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về KH&CN, nghiên cứu KH&CN và hợp tác quốc tế.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 15/10/2014 của Liên bộ Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, UBND tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ. *zpl*

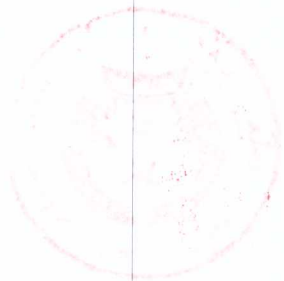
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- các Sở: KH&CN, NV;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Lưu: VT, KGVX (Ng- 24b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Ninh
Nguyễn Hải Ninh

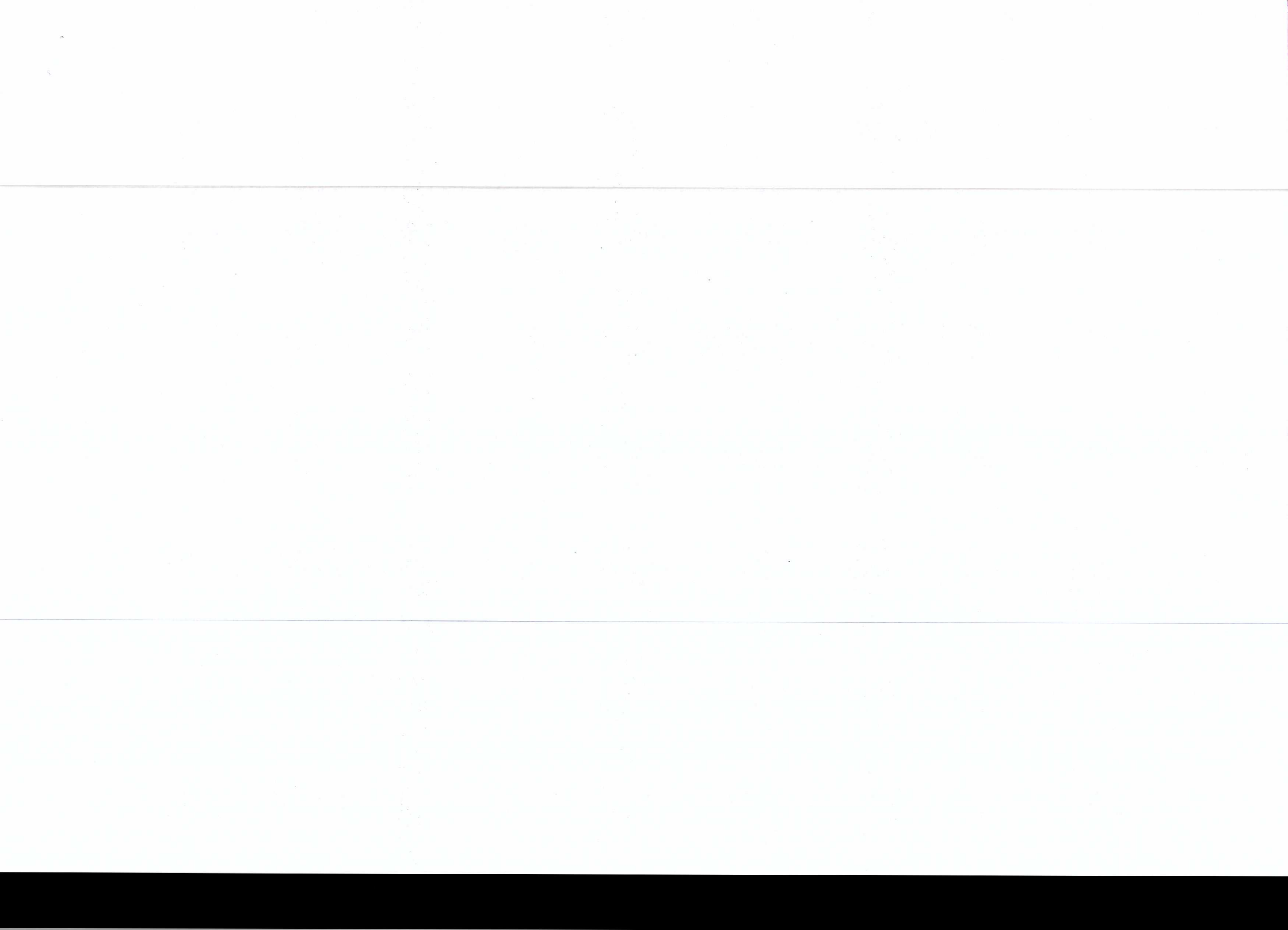


2022

Phụ lục 1: Bảng tổng hợp tình hình cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Báo cáo số: 241 /BC-UBND, ngày 10 /9/2018 của UBND tỉnh)

TT	Cơ cấu tổ chức	Số đơn vị	Ghi chú
I	Các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở	7	
1	Văn phòng	1	
2	Thanh tra	1	
3	Phòng Kế hoạch Tài chính	1	
4	Phòng Quản lý Khoa học	1	
5	Phòng Quản lý KH&CN Cơ sở	1	
6	Phòng Quản lý Công nghệ và Thị trường Công nghệ	1	
7	Phòng Quản lý Chuyên ngành	1	
II	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TĐC)	3	
1	Phòng Hành chính Tổng hợp	1	
2	Phòng Quản lý Đo lường	1	
3	Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng và TBT	1	
III	Các tổ chức sự nghiệp	10	
1	<i>Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN</i>	<i>4</i>	
1.1	Phòng Tổng hợp Tài chính	1	
1.2	Phòng Ứng dụng Chuyển giao	1	
1.3	Phòng Tư vấn Dịch vụ KH&CN	1	
1.4	Phòng Kỹ thuật Sản xuất	1	
2	<i>Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN</i>	<i>3</i>	
2.1	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	1	
2.2	Phòng Thông tin và Thống kê KH&CN	1	
2.3	Phòng Tin học và Cơ sở dữ liệu	1	
3	<i>Trung tâm Kỹ thuật TĐC</i>	<i>3</i>	
3.1	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	1	
3.2	Phòng Kỹ thuật Dịch vụ	1	
3.3	Phòng Thử nghiệm	1	
Tổng cộng		20	



Phụ lục 2: Bảng tổng hợp tình hình nhân lực của Sở KH&CN Đắk Lắk
 (Kèm theo Báo cáo số: 441/BC-UBND, ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh)

TT	Cơ cấu tổ chức	Số biên chế	Số người làm việc hiện có	Cấp	Cấp phó	Trình độ					Tổng cộng	
						TS	ThS	DH, CB	Khác	CVC		CV và TB
I	Lãnh đạo Sở	4	3	1	2	1	2	0	0	1	1	1
II	Các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở	29	27	5	7	1	8	13	5	0	1	21
1	Văn phòng	10	9	1	1	0	2	2	5	0	0	4
2	Thanh tra	3	2	0	1	0	0	2	0	0	0	2
3	Phòng Kế hoạch Tài chính	4	4	1	1	0	1	3	0	0	0	4
4	Phòng Quản lý Khoa học	3	3	1	1	1	1	1	0	0	0	3
5	Phòng Quản lý KH&CN Cơ sở	3	3	1	0	0	3	0	0	0	0	3
6	Phòng Quản lý Công nghệ và Thị trường Công nghệ	3	3	0	2	0	1	2	0	0	1	2
7	Phòng Quản lý Chuyên ngành	3	3	1	1	0	0	3	0	0	0	3
II	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TĐC)	10	10	4	2	0	3	6	1	0	1	8
I	Lãnh đạo Chi cục	3	3	1	2	0	0	0	0	0	1	2
2	Phòng Hành chính Tổng hợp	3	3	1	0	0	0	2	1	0	0	2
3	Phòng Quản lý Đo lường	2	2	1	0	0	0	2	0	0	0	2
4	Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng và TBT	2	2	1	0	0	0	2	0	0	0	2
III	Các tổ chức sự nghiệp	28	54	8	7	0	7	34	13	0	2	39
I	Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN	9	17	3	2	0	5	11	1	0	0	15
1.1	Lãnh đạo Trung tâm	3	2	0	2	0	1	1	0	0	0	2
1.2	Phòng Tổng hợp Tài chính	3	4	1	0	0	0	3	1	0	0	2
1.3	Phòng Ứng dụng Chuyên giao	1	4	1	0	0	2	2	0	0	0	4
1.4	Phòng Tư vấn Dịch vụ KH&CN	1	4	1	0	0	1	3	0	0	0	4
1.5	Phòng Kỹ thuật Sản xuất	1	3	0	0	0	1	2	0	0	0	3
2	Trung tâm Thông tin và Thông kê KH&CN	9	9	3	2	0	2	5	2	0	2	6
2.1	Lãnh đạo Trung tâm	3	3	1	2	0	2	1	0	0	2	2
2.2	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	3	3	1	0	0	0	1	2	0	0	1
2.3	Phòng Thông tin và Thông kê KH&CN	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1
2.4	Phòng Tin học và Cơ sở dữ liệu	2	2	1	0	0	0	2	0	0	0	2
3	Trung tâm Kỹ thuật TĐC	10	28	2	3	0	0	18	10	0	0	18
3.1	Lãnh đạo Trung tâm	3	2	0	2	0	0	2	0	0	0	2
3.2	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	2	11	1	1	0	0	7	4	0	0	7
3.3	Phòng Kỹ thuật Dịch vụ	5	12	1	0	0	0	6	6	0	0	6
3.4	Phòng Thủ nghiệm	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	3



Phụ lục 3: Bảng tổng hợp tình hình bố trí nhân lực thực hiện công tác QLNN về KH&CN của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện
 (Kèm theo Báo cáo số: 241 /BC-UBND, ngày 10 /9/2018 của UBND tỉnh)

Số huyện/TX/TP trực thuộc tỉnh	Tổng số nhân lực	Trình độ				Ngạch Công chức			Ghi chú
		TS	ThS	ĐH, Cao đẳng	Khác	CVCC và TĐ	CVC và TĐ	CV và TĐ	
15	15			15				15	